

Bản án số: 2364/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 10 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2017, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1024/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 492/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N; địa chỉ: 463/12 Nơ Trang Long, Phường 13, quận B, Thành phố H (có mặt);

Bị đơn là ông Cao Đình T; địa chỉ: 463/12 Nơ Trang Long, Phường 13, quận B, Thành phố H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Cao Đình T kết hôn vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, quận B, Thành phố H. Quá trình chung sống có hai con tên Cao Đình H, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1998 và Cao Đình H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010.

Năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, ông T không có trách nhiệm đối với gia đình. Vì thế cuộc

sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ năm 2014 cho đến nay đôi bên không còn quan tâm đến nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay nhận thấy tình cảm thương yêu của bà đối với ông T không còn, nên bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là ông Cao Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không có mặt tại Tòa án để nộp hoặc đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia vụ án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Cao Đình T là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về các yêu cầu của đương sự:*

Hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/96 ngày 30/10/1996 của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận B, Thành phố H.

Bà N cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông T đã trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hay có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông T không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà N, tại phiên tòa ông T lại vắng mặt. Như vậy, thực chất hôn

nhân giữa bà N và ông T đã không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

Về con chung: Bà N có nguyện vọng được nuôi con tên Cao Đình H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010 (Đối với Cao Đình H, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1998 đã trưởng thành). Xét thấy, hiện nay trẻ Cao Đình H đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, do vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Cao Đình H cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn:* Bà N phải chịu án phí là 300.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1971 được ly hôn với ông Cao Đình T, sinh năm 1971.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con tên: Cao Đình H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010. Đối với Cao Đình H, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1998 đã trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002053 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh; Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Cao Đình T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THA dân sự Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phượng